

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày: 18-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Cảnh

2. Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 831, ấp 5, xã T3, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 831, ấp 5, xã T3, huyện T, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2021).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

2. Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Số 113B, ấp 5, xã T4, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Mai Hùng P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 16/A19, đường H, Phường 6, thành phố A, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2021).

2. Bà Lê Kim D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 11/9, đường T5, Phường 3, thành phố A, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim T6, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 113B, ấp 5, xã T4, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K.

(Bà T2, ông P có mặt; bà D và bà T6 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Công T1 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Thị T2 trình bày:*

Vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K có vay tiền của ông Nguyễn Công T1, cụ thể như sau: Ngày 01/5/2018, vay 300.000.000đ và ngày 05/5/2018, vay 200.000.000đ, lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời hạn vay được hai bên thỏa thuận bằng lời nói là vài tháng trả.

Sau khi vay tiền, bà L và ông K có trả tiền lãi đầy đủ cho ông T1 đến tháng 10/2020, tổng cộng tiền lãi bà L và ông K đã trả từ tháng 5/2018 đến tháng 10/2020 là 29 tháng, thành tiền là 290.000.000đ nhưng từ tháng 11/2020 đến nay, vợ chồng ông K không trả tiền lãi đồng thời cũng không trả tiền vốn vay. Sau đó đến tháng 01/2021 bà L có trả tiếp cho ông T1 10.000.000đ tiền lãi.

Ông T1 không thừa nhận số tiền này được ông T1 cho bà L và ông K vay hơn 10 năm và tiền lãi không phải với lãi suất 3% và 4% như bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Đồng thời, ông T1 cũng không thừa nhận số tiền này ông T1 cho con của ông K và bà L là bà Nguyễn Thị Kim T6 vay.

Nay ông T1 yêu cầu bà L và ông K liên đới trả cho ông T1 số tiền vốn vay là 500.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 12 tháng với lãi suất 1,6%, thành tiền là 96.000.000đ nhưng trừ 10.000.000đ đã nhận vào tháng 01/2021 nên tiền lãi còn lại là 86.000.000đ. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 586.000.000đ.

** Ông Mai Hùng P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K trình bày:*

Bà L và ông K thừa nhận có vay tiền của ông Nguyễn Công T1 như sau: Ngày 01/5/2018, vay 300.000.000đ với lãi suất 4%/tháng và ngày 05/5/2018 vay, 200.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, cả hai lần vay không thỏa thuận thời hạn vay.

Tuy nhiên số tiền này bà L, ông K vay giúp cho con là bà Nguyễn Thị Kim T6 và số tiền này đã vay hơn 10 năm nay, mỗi lần trả lãi xong thì viết lại giấy nợ

mới. Từ sau khi vay thì bà T6 là người trực tiếp trả tiền lãi cho ông T1 mỗi tháng 18.000.000đ (trong đó 12.000.000đ tiền lãi của số tiền vay 300.000.000đ và 6.000.000đ tiền lãi của số tiền vay 200.000.000đ). Trả tiền lãi đến tháng 10/2020 thì bà T6 không có khả năng trả nữa. Đến tháng 01/2021 bà T6 có trả thêm cho ông T1 10.000.000đ tiền lãi.

Nay ông T1 yêu cầu bà L và ông K liên đới trả cho ông T1 số tiền vốn vay là 500.000.000đ và 86.000.000đ tiền lãi, bà L và ông K không đồng ý trả vì số tiền này bà L vay cho con của bà L là bà T6.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim T6 trình bày:*

Số tiền 500.000.000đ này là bà nhờ cha, mẹ (ông K, bà L) vay giúp bà. Số tiền này đã vay hơn 10 năm và bà là người trực tiếp trả lãi cho ông T1. Do bà đã trả tiền lãi quá nhiều nên nay bà không đồng ý trả tiếp cho ông T1 500.000.000đ cùng 86.000.000đ tiền lãi.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 15/11/2021, Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" với ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị L phải liên đới trả cho ông Nguyễn Công T1 442.000.000đ tiền vốn vay và 74.864.000đ tiền lãi, tổng cộng là 516.864.000đ (năm trăm mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công T1 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4499, ngày 22/3//2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 22/11/2021, bị đơn là bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà L và ông K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả cho ông T1 và xin trả dân với lý do hoàn cảnh gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo rút một phần yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Mai Hùng P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả cho phía nguyên đơn, phía bị đơn chỉ xin trả dân số tiền 516.864.000đ cho phía nguyên đơn với lý do hoàn cảnh gia đình bị đơn hiện nay gặp nhiều khó khăn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Về việc phía bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L và ông K rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả cho ông T1. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo mà phía bị đơn đã rút.

- Về việc phía bị đơn kháng cáo xin trả dân số tiền nợ gốc và tiền lãi cho phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L và ông K xin trả dân tổng số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi là 516.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Xét phía bị đơn xin trả dân nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý và pháp luật cũng không có quy định vấn đề này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của phía bị đơn.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo mà phía bị đơn đã rút, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của phía bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Kim D và bà Nguyễn Thị Kim T6 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D và bà T6.

[3] Về việc phía bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L và ông K rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả cho ông T1. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo mà phía bị đơn đã rút.

[4] Về việc phía bị đơn kháng cáo xin trả dần số tiền nợ gốc và tiền lãi cho phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà L và ông K xin trả dần tổng số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi là 516.864.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Xét phía bị đơn xin trả dần nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý và pháp luật cũng không có quy định vấn đề này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của phía bị đơn.

[5] Từ nhận định ở các đoạn [3] và [4], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo mà phía bị đơn đã rút, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của phía bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1959, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, bà L và ông K được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Ông Nguyễn Công T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu xem xét lại đối với số tiền lãi đã trả mà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K đã rút.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 15/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hoàng K và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Công T1 442.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và 74.864.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 516.864.000 đồng (năm trăm mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Công T1 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004499 ngày 22/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hoàng K được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

